

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8- 2024

V/v “Ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 57/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 02/8/2024, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L - sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu L có tìm hiểu và kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Nay chị **D** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu L**.

Về con chung: Vợ chồng chị **Nguyễn Thị D** và anh **Nguyễn Hữu L** có 02 người con chung tên **Nguyễn Hữu P** – sinh ngày 10/8/1997; **Nguyễn Hữu Đ** – sinh ngày 9/12/2001. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị **D** khai không có

2/ Bị đơn anh Nguyễn Hữu L: Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh **Nguyễn Hữu L** được Tòa án tổng đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc chị **D** yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

Về Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Hữu L** ở thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **Nguyễn Hữu L** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị D** và anh **Nguyễn Hữu L** có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P). Căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị **D** và anh **L** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên từ năm 2012 đến nay đã sống ly thân. Anh Nguyễn Hữu L đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị D yêu cầu ly hôn nhưng anh L không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị D và anh L đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên việc chị D yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu L có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu P – sinh ngày 10/8/1997; Nguyễn Hữu Đ – sinh ngày 9/12/2001. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị D khai không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai số 0001830 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu L có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu P – sinh ngày 10/8/1997; Nguyễn Hữu Đ – sinh ngày 09/12/2001. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D khai không có.

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai 0001830 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THADS thị xã;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Kha